

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HSST

Ngày 20-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GT, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Minh Thông

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Tươi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện GT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT tham gia phiên tòa: Ông Hà Duy Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1980 tại GT – Kiên Giang.

Nơi cư trú: Ấp H, xã K, huyện GT, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: tài xế; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P; có vợ và 01 người con; Tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự về hành vi buôn bán thuốc lá điều nhập lậu ngày 27/6/2021 bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt, tạm giữ: không. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(bị cáo có mặt)

Người bào chữa: Ông Mai H, Luật sư Văn phòng luật sư Chấn Lai thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh Chi nhánh Kiên Giang bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn M. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng X.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đ– Chủ tịch HĐQT
Địa chỉ: Tòa nhà TPBank số 57 Lphường T, Quận H, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn V, sinh năm 1991
Địa chỉ: lầu 5, 32A H, phường 2, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

3. Lý Mỹ B, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện GT, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 10/11/2021, lực lượng tuần tra Công an huyện GT, tỉnh Kiên Giang phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn M đang vận chuyển 200 bao thuốc lá hiệu Hero tại ấp R, xã Phú L, huyện GT, tỉnh Kiên Giang nên đã lập biên bản vi phạm hành chính. Trước đó, ngày 27/6/2021, M có hành vi buôn bán 900 bao thuốc lá hiệu Hero, đến ngày 05/7/2021 M bị Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang xử phạt hành chính về hành vi buôn bán hàng cấm với số tiền 40.000.000đ, ngày 06/7/2021 M đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nên chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của M đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GT để giải quyết theo thẩm quyền. Đến ngày 10/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GT đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn M về tội vận chuyển hàng cấm và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Vật chứng vụ án:

- 200 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero;
- 03 bịch nilon đen, đã rách và qua sử dụng;
- 01 ô tô con nhãn hiệu TOYOTA VIOS G; số khung 3F30K5080946, số máy 2NRX522917, màu sơn đỏ, gắn biển kiểm soát 68A-151.29 (xe cũ, đã qua sử dụng).

Những vật chứng này đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT.

Tại Tòa bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lý Mỹ B trình bày: Chiếc xe ô tô là tài sản chung giữa chị và bị cáo M, chị B và bị cáo M có vay của ông

Nguyễn Văn T tổng cộng là 180.000.000đ để mua xe và phụ tùng trang trí xe. Ngoài ra chị **B** và bị cáo M mua xe với hình thức trả góp và đang thế chấp tại ngân hàng X – TPBank Chi nhánh Kiên Giang thời hạn là 84 tháng (07/12/2019 đến 06/12/2026). Tại phiên tòa, chị **B** đồng ý giao chiếc xe cho ngân hàng X xử lý theo đúng thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng thế chấp tài sản. Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản để thanh toán nợ xong, nếu còn thừa phần giá trị chênh lệch, chị đề nghị giao lại cho chị phần chênh lệch này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là cha của bị cáo M, chiếc xe ô tô là của bị cáo M và chị **B**. Trước đây ông có cho bị cáo M và vợ là chị **B** vay không lãi suất số tiền 180.000.000 đồng trong đó 150.000.000 đồng là để trả trước khoản tiền mua xe, 30.000.000 đồng là để mua nội thất trang bị trong xe. Nay tại phiên tòa, ông đồng ý giao xe cho X xử lý theo đúng thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng thế chấp tài sản. Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản để thanh toán nợ tín dụng xong, nếu còn thừa phần giá trị chênh lệch, ông đề nghị hoàn trả cho ông số tiền 180.000.000 đồng mà bị cáo và vợ bị cáo đã vay của ông.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng X trình bày:

Ông Nguyễn Văn M và bà Lý Mỹ **B** có ký kết hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 45/2019/HDTD/TTKD.KGG/01 ngày 05/12/2019 với TPBank nội dung như sau:

Số tiền vay là 456.000.000 (bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng)

Mục đích vay: mua ô tô tiêu dùng cho chính khách hàng.

Thời hạn vay: 84 tháng.

Lãi suất: Lãi suất cho vay áp dụng kể từ ngày 07/12/2019 đến ngày 06/12/2020 là 9,4%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 06/12/2026 lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 1 lần và bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,65%/năm.

Tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS G; màu đỏ; số khung 3F30K5080946, số máy 2NRX522917, biển kiểm soát 68A-151.29. Tài sản nêu trên được TPBank đăng ký giao dịch đảm bảo tại Cục Đăng ký quốc gia số 1352147150, ngày đăng ký 05/12/2019. Do ông M vi phạm pháp luật nên căn cứ vào hợp đồng đã ký kết, TPBank quyết định thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của ông M và bà **B**.

Tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo M còn nợ ngân hàng số tiền vay thế chấp mua xe ô tô tổng cộng là 340.158.921 đồng (bao gồm: nợ gốc 336.571.438 đồng, nợ lãi 3.587.483 đồng)

Về việc xử lý tài sản: Đại diện ngân hàng cho rằng, hợp đồng cho vay kiêm thế chấp giữa TPBank với ông M, bà **B** là tự nguyện, không vi phạm pháp

luật, không trái đạo đức xã hội và được đăng ký bảo đảm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên trong thời gian thực hiện hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản, bị cáo đã sử dụng tài sản phạm tội là vi phạm hợp đồng. Do đó, căn cứ Điều 297, khoản 5 điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 4 Nghị định 163/2006/NĐ-CP; Điều 14 Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 106 Bộ luật hình sự 2015;

Đại diện ngân hàng đề nghị HĐXX tuyên bản giao tài sản đảm bảo là xe ô tô cho Ngân hàng X xử lý để thu hồi nợ vay theo đúng quy định pháp luật về tín dụng.

Tại phiên tòa, sau khi được Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho bị cáo, người bào chữa của bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thỏa thuận với nhau việc xử lý tài sản là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS G mà bị cáo đang thế chấp cho ngân hàng X trong thời điểm phạm tội. Qua thỏa thuận tại tòa, Bị cáo, người bào chữa của bị cáo, đại diện ngân hàng X, ông Nguyễn Văn T và bà Lý Mỹ B đã thống nhất giao tài sản này cho ngân hàng X xử lý để thu hồi nợ tín dụng. Trong trường hợp sau khi đã thu hồi xong nợ tín dụng nhưng vẫn còn thừa một khoảng chênh lệch về giá trị, ông T, bà B yêu cầu ngân hàng hoàn lại cho ông, bà phần giá trị chênh lệch này.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSGT ngày 27/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GT đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “ Vận chuyển hàng cấm” được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Về hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 191; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) để tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 80.000.000đ đến 150.000.000đ

Hình phạt bổ sung: không

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 213, Điều 297; Điều 298; Điều 303; Điều 304; Điều 306; Điều 307 Bộ luật dân sự; Điều 32 Luật Hôn nhân gia đình;

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 200 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero, 03 túi (bịch) nilon màu đen, đã rách và qua sử dụng;

Đối với 01 xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA VIOS G; màu đỏ; số khung 3F30K5080946, số máy 2NRX522917, biển kiểm soát 68A-151.29 đề nghị giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh Kiên Giang phối hợp với ngân hàng X xử lý bán đấu giá tài sản để Ngân hàng thu hồi nợ vay theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 45/2019/HDTD/TTKD.KGG/01 ngày 05/12/2019. Phần giá trị còn lại (nếu có) chia $\frac{1}{2}$ giao trả lại cho bà Lý Mỹ B (vợ Nguyễn Văn M), $\frac{1}{2}$ giá trị còn lại tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

** Ông Mai H – Luật sư bào chữa cho bị cáo M phát biểu:*

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều cúi đầu nhận tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với cáo trạng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bản thân không tranh luận về nội dung vụ án mà chỉ nêu ra một số tình tiết để HĐXX xem xét áp dụng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo M trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có tham gia công tác tại địa P chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước do đó bị cáo có nhân thân tốt đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị cáo M có đơn xin được hưởng hình phạt chính là hình phạt tiền và bị cáo đã tạm nộp cho Cơ quan thi hành án dân sự số tiền 80.000.000 theo biên lai thu số 0002126 để đảm bảo thi hành án. Căn cứ vào các Điều 35; khoản 2 điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng hình phạt chính là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo bị khởi tố là do đã bị xử phạt vi phạm hành chính và hành vi của bị cáo chỉ ở mức vừa cấu thành tội phạm. Mặt khác, bị cáo có nghề nghiệp là tài xế, xe đã bị tạm giữ, vợ bị cáo là viên chức y tế thu nhập khó khăn nên đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo mức tiền thấp hơn mức mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Đối với chiếc xe ô tô là vật chứng của vụ án, tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) nêu: *Đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp.*

Mặt dù bị cáo M là người quản lý tài sản nhưng Ngân hàng là người sở hữu hợp pháp tài sản này nên đề nghị giao trả lại tài sản cho người quản lý hợp pháp.

Tại khoản 6 Điều 320 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ của bên thế chấp có nêu: *Giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 299 của Bộ luật này.*

Tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015 quy định về quyền của bên nhận thế chấp nêu: *Yêu cầu bên thế chấp hoặc người thứ ba giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.*

Mặt khác, tại khoản 2 điều 299 Bộ luật dân sự 2015 nêu: *Bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận hoặc theo quy định của luật.*

Từ các căn cứ trên, đề nghị HĐXX tuyên giao cho Ngân hàng tài sản là chiếc xe ô tô nói trên để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ như nội dung giữa bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận tại tòa.

Được nói lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt chính là phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35, Điều 37 và Điều 58 của Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp. Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện GT, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện GT, Kiểm sát viên thu thập; các tài liệu, chứng cứ bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về chứng cứ. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GT và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chứng

minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với các tình tiết đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo **Nguyễn Văn M** đã phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm e khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự nêu:

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)

e) hàng hóa dưới mức quy định tại các điểm a, b,c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”

Như vậy, cáo trạng 08/CT-VKSGT ngày 27/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GT truy tố bị cáo về tội danh như đã nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước khi bị cáo cố ý vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu là loại hàng Nhà nước cấm vận chuyển, tàng trữ, mua bán. Hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa P. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ

- Về nhân thân: Ngày 27/6/2021 bị cáo có hành vi buôn bán hàng cấm và bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 40.000.000 đồng

- Về các tình tiết tăng nặng: Không

- Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo M luôn thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[5] Về hình phạt: Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng, đủ nghiêm để vừa đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy lời luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên cần tuyên phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời cũng răn đe, làm gương cho những ai có hành vi tương tự. Mặt khác cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

Tuy nhiên, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện là áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo với số tiền phạt là 80.000.000 đồng. HĐXX thấy số tiền này tương đối cao so với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo do bị cáo phạm tội chỉ ở mức vừa cấu thành tội phạm (bị truy tố do đã bị xử phạt vi phạm hành chính). Mặt khác, bị cáo có nghề nghiệp là tài xế, xe đã bị tạm giữ, vợ bị cáo là viên chức y tế thu nhập khó khăn nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về các biện pháp tư pháp:

Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy:

- 200 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero;
- 03 túi (bịch) nilon màu đen, đã rách và qua sử dụng;

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS G; số khung 3F30K5080946, số máy 2NRX522917, màu sơn đỏ, gắn biển kiểm soát 68A-151.29.

Theo đại diện ngân hàng và bị cáo trình bày, xe ô tô TOYOTA VIOS G là vật chứng trong vụ án tại thời điểm mua mới có giá là 630.000.000 đồng. Bị cáo đem thế chấp để vay 456.000.000 đồng. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo đã thanh toán một phần và còn nợ lại 340.158.921 đồng. Xe đã sử dụng 03 năm nên giá trị hiện đã giảm so với trước đây.

HĐXX thấy rằng, tại thời điểm bị cáo phạm tội, chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS G đang là tài sản thế chấp cho ngân hàng X nên tại thời điểm này ngân hàng là chủ thể có quyền quản lý đối với tài sản và có quyền xử lý tài sản khi bên vay (bên thế chấp vi phạm hợp đồng). Mặt khác, tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa của bị cáo, đại diện ngân hàng X, ông Nguyễn Văn T và bà Lý Mỹ B đã thỏa thuận thống nhất giao tài sản này cho ngân hàng X xử lý để thu hồi nợ tín dụng. Trong trường hợp sau khi đã thu hồi xong nợ tín dụng nhưng vẫn còn thừa một khoảng chênh lệch về giá trị, ông T, bà B yêu cầu ngân hàng hoàn lại cho ông, bà phần giá trị chênh lệch này. Sự thỏa thuận này là tự nguyện để xử lý phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự và cũng là để bảo đảm quyền lợi của tổ chức tín dụng khi cho vay được quy định tại khoản 6 Điều 320, khoản 5 Điều 323, khoản 2 điều 299 Bộ luật dân sự 2015 và các điều khoản ghi

trong hợp đồng thế chấp tài sản mà bị cáo đã ký kết với ngân hàng.

Do đó, HĐXX thấy có căn cứ để tuyên giao tài sản là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS G; số khung 3F30K5080946, số máy 2NRX522917 cho ngân hàng X xử lý để thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Trong trường hợp sau khi đã thu hồi xong nợ tín dụng nhưng vẫn còn thừa một khoản tiền chênh lệch về giá trị thì tiếp tục hoàn lại cho ông T, bà B khoản tiền chênh lệch này. Ông T, bà B và ngân hàng X có trách nhiệm thỏa thuận với nhau về việc nhận lại số tiền chênh lệch thừa nêu trên (nếu có). Trường hợp có phát sinh tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

[1] **Tuyên bố** bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

[2] **Xử phạt:** bị cáo Nguyễn Văn M 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp là 80.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002126 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

Bị cáo Nguyễn Văn M được nhận lại 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo lai thu nói trên.

Hình phạt bổ sung: Không

[3] Các biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào các Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 299, Điều 317, Điều 320, Điều 323 Bộ luật dân sự 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 200 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero, 03 túi (bịch) nilon màu đen, đã rách và qua sử dụng;

- Giao cho Ngân hàng X 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS G; số khung 3F30K5080946, số máy 2NRX522917, màu sơn đỏ, gắn biển kiểm soát 68A-151.29 để xử lý thu hồi nợ tín dụng theo quy định. Trong trường hợp sau khi đã thu hồi xong nợ tín dụng nhưng vẫn còn thừa một khoản tiền chênh lệch

về giá trị thì tiếp tục hoàn lại cho ông T, bà **B** khoản tiền chênh lệch này. Ông T, bà **B** và ngân hàng X có trách nhiệm thỏa thuận với nhau về việc nhận lại số tiền chênh lệch thừa nêu trên (nếu có). Trường hợp có phát sinh tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/7/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện GT;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cơ quan CSĐT, CA h. GT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- Bị cáo, Những người TGTT;
- Lưu: HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hồng Phong